

Bản án số: 02/2021/KDTM-PT

Ngày 26/3/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các thẩm phán: Ông Trần Hữu Hiệu và bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa;

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2020/KDTM-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2021/QĐPT-DS ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 26/TB-TA ngày 03/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần que hàn Việt Đức

Địa chỉ: xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Bá Việt – Giám đốc công ty

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Ngọc Quang, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Loseby – Đoàn Luật sư Hà Nội; địa chỉ: 102 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần container Quốc tế CAS

Địa chỉ: Khu công nghiệp tàu thủy xã Lai Vu, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Hạnh – Chủ tịch hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Bùi Văn Thám, Luật sư thuộc văn phòng luật sư Thủy Nguyên - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 19 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;

- Ông Nguyễn Văn Thắng, sinh năm 1957; chức vụ: Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị Công ty CP Container Quốc tế CAS; địa chỉ: B24 tổ 84 khu Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Công ty cổ phần container Quốc tế CAS.

Tại phiên tòa có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Ngọc Quang trình bày:

Công ty Cổ phần que hàn Việt Đức (viết tắt là Công ty Việt Đức) và Công ty cổ phần Container Quốc tế CAS (viết tắt là Công ty CAS) có ký hợp đồng mua bán que hàn điện số 472/HĐ-QHĐ ngày 01/10/2010 (viết tắt là hợp đồng 472) và hợp đồng mua bán vật liệu hàn số 155/HĐMB ngày 01/3/2011 (viết tắt là hợp đồng 155) với nội dung: Công ty Việt Đức sẽ bán cho Công ty CAS các vật liệu que hàn, dây hàn. Thực hiện các hợp đồng này, Công ty Việt Đức đã giao đầy đủ số lượng hàng theo yêu cầu của công ty CAS và công ty CAS đã thanh toán một phần tiền trả cho Công ty Việt Đức và còn nợ những khoản tiền theo từng hợp đồng cụ thể như sau:

Đối với hợp đồng 472, tính đến ngày 31/12/2011, Công ty CAS còn nợ Công ty Việt Đức số tiền hàng 1.724.015.200đ, lãi suất chậm trả tính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 06/5/2012 là 250.415.284đ. Đối với hợp đồng 155, tính đến ngày 31/12/2011, Công ty CAS còn nợ Công ty Việt Đức số tiền hàng 1.682.578.650đ, lãi chậm trả tính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 06/5/2012 là 157.041.141đ.

Như vậy, tính đến ngày 06/5/2012 Công ty CAS còn nợ Công ty Việt Đức số tiền 3.814.655.275đ. Ngày 05/02/2012, Công ty Việt Đức đã có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, yêu cầu buộc Công ty CAS thanh toán nốt số tiền 3.814.655.275đ. Quá trình giải quyết, Công ty CAS đã có Công văn số 66/CAS-CVQHĐ ngày 28/7/2014 gửi tới Công ty Việt Đức về việc hứa thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi cho Công ty Việt Đức nên ngày 15/8/2014, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành đã lập biên bản hòa giải thể hiện việc Công ty CAS đã thừa nhận còn nợ Công ty Việt Đức số nợ gốc của Hợp đồng 472 là

1.724.015.200đ, của Hợp đồng 155 là 1.682.578.650đ, đồng thời nhất trí tính lãi suất quá hạn ở mức 9%/năm. Do vậy, để tạo điều kiện cho Công ty CAS tái hoạt động trở lại và có điều kiện tiếp tục mua hàng và trả nợ, ngày 25/8/2014, Công ty Việt Đức đã có đơn xin rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên từ ngày 25/8/2014 đến nay, mặc dù đã nhiều lần yêu cầu nhưng công ty CAS vẫn không trả tiền nợ cho Công ty Việt Đức. Do đó, Công ty Việt Đức yêu cầu Công ty CAS phải thanh toán trả nợ số tiền gốc là 3.406.598.850đ (trong đó theo Hợp đồng 472 là 1.724.015.200đ, theo Hợp đồng 155 là 1.682.583.650đ) và lãi suất chậm trả là 9%/năm kể từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 (đối với cả hai hợp đồng) là 1.226.373.784 đồng. Số tiền lãi chính xác sẽ được tính vào ngày xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản làm việc ngày 24/8/2016 đại diện của Công ty CAS là ông Bùi Văn Thắm xác định: Việc thực hiện hợp đồng kinh tế giữa Công ty CAS và Công ty Việt Đức cùng các giấy tờ liên quan hiện Công ty CAS không nắm được (do bị thu hồi trong vụ án hình sự đối với Tổng giám đốc bà Nguyễn Hồng Anh). Đối với hợp đồng 472, Công ty đã nhận số tiền hàng hóa là 4.957.628.500đ và đã thanh toán 5.109.879.600đ. Do đó, hợp đồng 472 đã thanh toán xong và còn tạm ứng dư 152.251.100đ. Đối với hợp đồng 155, Công ty CAS không nhất trí nội dung khởi kiện của Công ty Việt Đức. Công ty CAS cho rằng đây là hợp đồng nguyên tắc không có số lượng, không có đơn giá, không có giá trị tiền (hai bên phải thực hiện nghiêm túc điều 1: Tên hàng hóa, số lượng, đơn giá, thành tiền). Hợp đồng mua bán vật liệu que hàn số 155 không đảm bảo quy định tại các điều khoản của hợp đồng cụ thể: Không có đơn đặt hàng từng lần do bên ký kết hợp đồng đã ký; không có báo giá hàng hóa giữa 2 bên đầy đủ chữ ký; không có số lượng nhập hàng hóa là bao nhiêu; không có giới hạn thanh toán cụ thể; đến nay người ký biên bản giao nhận hàng và hóa đơn trên không còn là người của công ty; những tài liệu gốc có liên quan đến vụ án bà Nguyễn Hồng Anh (Tổng giám đốc), Cơ quan điều tra đang thu giữ nên việc xác nhận những nợ này là chưa có cơ sở. Do vậy, Công ty CAS không đồng ý trả tiền hợp đồng 155 vì không có cơ sở để trả nợ.

Tại công văn số 1133/CV-CAS-TCKT ngày 11/5/2011 của Công ty CAS gửi Công ty Việt Đức, nội dung phúc đáp công văn số 317/KD-QHD ngày 06/5/2011 về việc thực hiện hai hợp đồng mua bán số 472 ngày 01/10/2010 và hợp đồng 155 ngày 01/3/2011 (do bà Đặng Thị Thanh Huyền kế toán trưởng của Công ty CAS ký với tư cách thừa lệnh của Tổng giám đốc) thể hiện, đối với hợp đồng 472 ngày 01/10/2010, Công ty CAS đã đặt cọc và thanh toán cho Công ty Việt Đức số tiền 1.592.299.600đ; đối với hợp đồng 155 ngày 01/3/2011, Công

ty CAS đã nhận được hàng và hóa đơn từ Công ty Việt Đức với tổng giá trị là 3.517.580.000đ, trong đó số tiền đến và quá hạn thanh toán là 2.059.323.200đ, Công ty CAS sẽ thanh toán cho công ty Việt Đức khoản quá hạn 2.059.323.200đ ngay trong tuần, chậm nhất vào ngày 17/5/2011.

Tại công văn số 1152/CV-CAS ngày 01/7/2011 Công ty CAS (do bà Đặng Thị Thanh Huyền kế toán trưởng của Công ty CAS ký với tư cách thừa lệnh của Tổng giám đốc) thể hiện: Đối với hợp đồng 472 năm 2010, ngày 24/6/2011 Công ty CAS đã thanh toán 1.000.000.000đ, vậy tính đến ngày 29/6/2011 số dư nợ tại hợp đồng này là 2.365.328.900đ; đối với hợp đồng 155 ngày 01/3/2011 tính đến ngày 01/7/2011 số nợ quá hạn Công ty CAS phải thanh toán là 558.597.600đ. Số tiền dư nợ tại hợp đồng 155 Công ty CAS sẽ thanh toán cho Công ty Việt Đức chậm nhất vào ngày 04/7/2011 và Công ty CAS đề nghị Công ty Việt Đức tiếp tục giao hàng theo đơn đặt hàng tại hợp đồng 155 cho Công ty CAS.

Tại thư xác nhận công nợ số 31/KTTC-CAS ngày 21/2/2012 do Phó tổng giám đốc Đinh Châu Hiếu Tâm ký, thể hiện Công ty CAS đề nghị Công ty Việt Đức xác nhận số dư công nợ của Công ty CAS đến ngày 31/12/2011 số tiền Công ty CAS phải trả là 3.406.598.850đ;

Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 06/7/2011 thể hiện: Căn cứ tình hình thực hiện hợp đồng 155 ngày 01/3/2011, hai bên đối chiếu công nợ từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 30/6/2011 dư đầu kỳ: 1.949.455.200đ, tổng số tiền hàng bên Công ty CAS đã nhận là 6.865.783.650đ, tổng số tiền hàng Công ty CAS đã thanh toán là 4.617.580.000đ, dư cuối kỳ (30/6/2011) là 4.197.658.850đ. Tại văn bản đối chiếu công nợ ngày 10/2/2012, Công ty CAS xác nhận hiện tại toàn bộ sổ sách đều ghi nhận đúng theo các chứng từ và hóa đơn đã nhận được.

Tại Biên bản làm việc ngày 01/2/2012 giữa hai công ty và biên bản hòa giải tại Tòa án ngày 15/8/2014, ông Nguyễn Văn Hạnh là Chủ tịch hội đồng quản trị của công ty CAS xác nhận Công ty CAS còn nợ Công ty Việt Đức số tiền là 3.406.598.850đ chi tiết như sau: Hợp đồng 472 năm 2010: 1.798.088.100đ, hợp đồng 155 năm 201: 1.608.510.750đ. Công ty CAS đồng ý tính lãi cho số nợ quá hạn này từ ngày 01/01/2012. Công ty CAS cam kết sẽ thanh toán dần số công nợ gốc trên bắt đầu từ quý II/2012 và đến hết năm 2012 sẽ hoàn thành nghĩa vụ thanh toán. Công ty Việt Đức đã nhiều lần yêu cầu Công ty CAS thực hiện thanh toán công nợ nhưng phía Công ty CAS đã không thực hiện việc thanh toán tiếp cho Công ty Việt Đức.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty Việt Đức vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc công ty CAS phải trả số tiền hàng nợ gốc còn thiếu theo hợp đồng số 472/HĐ-QHĐ ngày 01/10/2010 là 1.724.015.200đ và hợp đồng 155/HĐMB ngày 01/3/2011 là 1.682.578.650đ, lãi suất chậm trả tính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 01/8/2020 theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm = 0,75%/1 tháng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty CAS vẫn giữ nguyên ý kiến như các biên bản làm việc trước đó tại Tòa án, nhưng có bổ sung thêm ý kiến như sau: Đối với hợp đồng 472 giá trị hợp đồng đã thực hiện là 4.974.332.000 đồng, Công ty CAS đã trả 7.168.477.200đ (trong đó trả hợp đồng 155 là 558.597.600đ, còn lại trả cho hợp đồng 472), lý do trả cho hợp đồng 155 là vì Công ty CAS cần có dây điện để sản xuất nên đã đặt và lấy các dây hàn của Công ty V. Như vậy hợp đồng 472 số tiền trả thừa là 2.210.848.700đ. Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty CAS phải trả số tiền nợ gốc của cả hai hợp đồng 472 và 155 là 3.406.598.850đ thì Công ty CAS xác định sẽ đối trừ số tiền mà Công ty CAS đã trả thừa là 2.210.848.700đ vào số tiền khởi kiện của Công ty V, như vậy số tiền chưa trả còn 1.195.750.150đ. Còn hợp đồng 155 là hợp đồng nguyên tắc không có số lượng, đơn giá, giá trị tiền, không đảm bảo điều kiện của hợp đồng nên không chấp nhận trả nợ. Đối với các văn bản xác nhận nợ, biên bản làm việc giữa đại diện Công ty Việt Đức và Công ty CAS các chữ ký là không có giá trị vì những người ký kết đại diện cho công ty CAS là không đúng thẩm quyền theo điều lệ của công ty quy định phải là chủ tịch Hội đồng quản trị công ty ký. Ông Nguyễn Văn Hạnh là Chủ tịch hội đồng quản trị công ty có quyền ký xác nhận nợ nhưng việc ông Hạnh có ký xác nhận khoản nợ với công ty V là do ông Hạnh không nắm được hồ sơ vì hồ sơ bị Công an thu giữ trong vụ án bà Nguyễn Hồng Anh.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/KDTM-ST ngày 07/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50, 306 Luật thương mại năm 2005; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TAND Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần que hàn Việt Đức đối với Công ty Cổ phần container Quốc tế CAS:

Buộc Công ty Cổ phần container Quốc tế CAS phải trả Công ty cổ phần

que hàn Việt Đức tổng số tiền mua hàng còn nợ là: 6.038.196.461 (*Sáu tỉ không trăm ba mươi tám triệu một trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi một đồng*), trong đó nợ gốc là: 3.406.598.850đ và tiền lãi chậm trả là: 2.631.597.611 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ do chậm thanh toán tiền, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn (công ty cổ phần Container Quốc tế CAS) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cụ thể: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty que hàn V vì Công ty CAS đã thanh toán xong hợp đồng số 472/HĐ-QHĐ ngày 01/10/2010; hợp đồng số 155/HĐ-MB ngày 01/3/2011 không đúng quy định của pháp luật nên bị vô hiệu, do đó công ty CAS không đồng ý trả tiền gốc và lãi như yêu cầu của công ty V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo không đồng ý trả tiền gốc và lãi cho Công ty V; đồng thời đề nghị nếu Công ty V không tính lãi suất thì Công ty CAS sẽ tìm phương án để thanh toán khoản tiền gốc mà Công ty V yêu cầu thanh toán. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty V không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành; công ty CAS phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn cho rằng giá trị hợp đồng số 472 ngày 01/10/2010 là 4.974.332.000 đồng nhưng công ty CAS đã chuyển cho công ty que hàn V số tiền 6.609.879.600 đồng là vượt quá số tiền phải trả nên việc thanh toán giá trị hợp đồng 472 đã xong; đối với hợp đồng số 155 ngày 01/3/2011 là hợp đồng nguyên tắc, không đảm bảo điều kiện nên vô hiệu nhưng công ty CAS

đã đặt mua hàng theo hợp đồng này với số tiền hơn 558 triệu đồng và đã thanh toán hết nên không còn nợ khoản tiền nào với công ty que hàn V.

[3] HDXX căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng: Ngày 01/10/2010, Công ty Việt Đức có ký hợp đồng mua bán que hàn điện số 472/HĐ-QHĐ với Công ty CAS và ngày 01/3/2011, Công ty Việt Đức ký hợp đồng mua bán vật liệu hàn số 155/HĐMB với Công ty CAS. Theo hợp đồng 472, Công ty Việt Đức bán cho Công ty CAS số lượng hàng như sau: 800 kg Que hàn N46 2.5 với giá tiền là 17.512.000đ, 80.000 kg dây hàn W49-VD 1.0 với giá tiền là 2.024.000.000đ, 110.000 kg dây hàn W49-VD 1.2 với giá tiền là 2.783.000.000đ, 6000 kg dây hàn W49-VD 1.6 với giá tiền là 149.820.000đ, tổng cộng là 196.800kg hàng với giá tiền là 4.974.332.000đ. Đối với hợp đồng 155 là hợp đồng nguyên tắc nên thực hiện mua hàng theo nhu cầu mua hàng của Công ty CAS bằng đơn đặt hàng của các tháng trong năm cho Công ty Việt Đức trước 15 ngày, giá của vật liệu hàn sẽ được hai bên xác định khi bên bán trao cho bên mua một giấy báo giá được bên mua chấp nhận và có giá trị đến khi thay thế bằng một giấy báo giá khác; ngoài ra, trong các hợp đồng còn có các điều khoản về chất lượng và quy cách hàng hóa, giao nhận và vận chuyển, phương thức và thời hạn thanh toán... Các hợp đồng trên đều được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, đúng chủ thể tham gia ký kết, hình thức và nội dung của hợp đồng đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực.

[4] Sau khi ký hợp đồng, các bên đã thực hiện các nội dung như hợp đồng đã ký kết. Cụ thể, đối với hợp đồng 472, các bên đã thực hiện được tổng giá trị hợp đồng là 4.816.314.800đ (thực hiện từ ngày 30/11/2010 đến ngày 22/3/2011) thể hiện bằng các hoá đơn giá trị gia tăng mà công ty V đã xuất (hoá đơn số 0092253, 0092337, 0092445, 0001234, 0002526, 0002593, 0002610, 0002630, 0002652, 0002658, 0002670). Công ty CAS đã thanh toán tiền cho hợp đồng này như sau: ngày 29/10/2010 trả 1.492.266.600đ; ngày 28/01/2011 trả 100.000.000đ; ngày 24/6/2011 trả 1.000.000.000đ; ngày 06/9/2011 trả 500.000.000đ. Tổng số tiền đã trả của hợp đồng 472 là 3.092.299.600đ, số tiền còn nợ là 1.724.015.200đ.

[5] Đối với hợp đồng 155, tổng giá trị hợp đồng đã thực hiện là 5.758.761.250đ (thực hiện từ ngày 16/3/2011 đến ngày 09/7/2011), thể hiện bằng các hoá đơn giá trị gia tăng số mà công ty V đã xuất (hoá đơn số 0002627, 0002725, 0002781, 0002832, 0002837, 0002879, 0002918, 0002966, 0003020, 0003088, 0003107, 0003125, 0003486, 0003496, 0003530, 0003531, 0003558, 0003581, 0003652, 0003693, 0003706, 0003747, 0003776, 0003801, 0003858, 0003859, 0003877, 0003890, 0003924, 0003970, 0004008, 0004072). Công ty

CAS đã thanh toán như sau: ngày 16/5/2011 trả 2.059.323.200đ, ngày 30/5/2011 đã trả 1.458.256.800đ, ngày 05/7/2011 đã trả 558.597.600đ, tổng số tiền đã trả là 4.076.177.600đ, số tiền còn nợ là 1.682.583.650đ.

[6] Số tiền mà công ty CAS còn nợ công ty V thể hiện trên các hóa đơn giá trị gia tăng phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ như các công văn số 1133 ngày 11/5/2011, công văn số 1152/CV-CAS ngày 01/7/2011, thư xác nhận công nợ ngày 21/2/2012, các biên bản đối chiếu công nợ (ngày 06/7/2011 và ngày 10/2/2012), biên bản làm việc ngày 01/2/2012 tại Tòa án huyện Kim Thành.

[7] Công ty CAS cho rằng hợp đồng số 155 là hợp đồng nguyên tắc, không đúng quy định của pháp luật nên vô hiệu nhưng thực tế các bên đã thực hiện việc giao nhận hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng 155, các hóa đơn thể hiện việc giao nhận hàng cũng thực hiện tương tự như thực hiện hợp đồng số 472 (các hóa đơn đều không có xác nhận của lãnh đạo công ty bên nhận) nên công ty CAS phải có trách nhiệm thanh toán đối với các khoản hàng đã nhận; người đại diện của công ty CAS còn cho rằng các công văn xác nhận nợ do kế toán trưởng Đặng Thị Thanh Huyền hoặc phó tổng giám đốc công ty Đinh Châu Hiếu Tâm ký là không đúng thẩm quyền nên không chấp nhận. Tuy nhiên, công ty CAS không đưa ra được chứng cứ, tài liệu thể hiện việc các giấy xác nhận nợ này phải do Chủ tịch hội đồng quản trị ký mới có giá trị pháp lý; mặt khác tại biên bản làm việc ngày 01/2/2012 tại Tòa án, Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty là ông Nguyễn Văn Hạnh đã xác nhận số tiền nợ gốc mà công ty CAS còn nợ Công ty Việt đức là 3.406.598.850đ và lãi quá hạn từ ngày 01/01/2012. Mặc dù không đồng ý thanh toán tiền của hợp đồng số 155 nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện công ty CAS lại có ý kiến đề nghị giá trị hợp đồng 472 đã thực hiện là 4.974.332.000đ, Công ty CAS đã trả 7.168.477.200đ (trong đó trả hợp đồng 155 là 558.597.600đ còn lại trả cho hợp đồng 472), như vậy Công ty CAS đã trả thừa cho hợp đồng 472 số tiền là 2.210.848.700đ nên đồng ý đối trừ vào số tiền mà công ty V đang khởi kiện yêu cầu trả, điều này chứng tỏ Công ty CAS đã xác nhận đồng ý trả một phần nợ theo yêu cầu khởi kiện của Công ty V.

[8] Về tiền lãi chậm trả: Theo thỏa thuận trong hợp đồng, công ty CAS phải thanh toán hết tiền hàng cho công ty V sau 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hàng theo hợp đồng và hóa đơn giá trị gia tăng (đối với hợp đồng 472) và thanh toán vào ngày 25 của tháng kế tiếp tháng nhận hàng (đối với hợp đồng 155). Tuy nhiên, đến ngày 06/9/2011, công ty CAS còn nợ V tổng số tiền gốc là 3.406.598.850đ, sau đó mặc dù đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng công ty CAS không tiếp tục thanh toán cho Công ty V nữa là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Các

bên không thỏa thuận với nhau về mức lãi suất chậm thanh toán nên căn cứ quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005, Điều 11 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, lãi suất được tính bằng lãi suất trung bình trên thị trường của 3 ngân hàng thương mại (Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng cổ phần công thương Việt Nam) là 11,78%/năm. Do nguyên đơn tự nguyện yêu cầu áp dụng một mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ là 9%/năm (0,75%/tháng), thời gian tính từ ngày 01/01/2012 là thấp hơn mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 và có lợi cho bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ. Công ty V yêu cầu công ty CAS thanh toán lãi tính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 01/8/2020 (sau ngày 01/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm không yêu cầu lãi) là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc công ty công ty CAS có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần que hàn V số tiền lãi tính từ ngày 01/01/2012 và chỉ tính đến ngày 01/8/2020 (103 tháng) là 2.631.597.611đ, trong đó hợp đồng 472 là 1.331.801.742 đ, hợp đồng 155 là 1.299.795.869đ là đúng quy định.

[9] Từ những phân tích trên, HĐXX có căn cứ xác định công ty CAS còn nợ công ty V khoản tiền gốc của hai hợp đồng (số 472 và 155) là 3.406.598.850đ và lãi suất từ ngày 01/01/2012 đến ngày 01/8/2020 đối với cả hai hợp đồng là 2.631.597.611đ, tổng là 6.038.196.461đ. Do đó, kháng cáo của công ty CAS không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[10] Về án phí: Kháng cáo của công ty CAS không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm kinh doanh thương mại là 2.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Container Quốc tế CAS;

1. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2020/KDTM-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

2. Về án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần Container Quốc tế CAS phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

3. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Nhu